

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản, công nợ chung
khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Khắc Thái
2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Thanh Xuân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 27/7/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung, công nợ chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Tạ Văn H, sinh năm 1974.

Địa chỉ đơn vị công tác: B30, Lữ đoàn X, quân đoàn I thuộc thôn X, xã L, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ số 2, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hồng S- Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp Việt Nam khu vực Rịa, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Thu Th- Trưởng phòng kế hoạch, kinh doanh Agribank chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/03/2021).

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn G, phường B, thành phố Đ, tỉnh Ninh Bình.

(Chị Ng, anh H, bà L có mặt; Ngân hàng Nông nghiệp xin xét xử mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 14/10/2020 và các lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Tạ Văn H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình ngày 16/09/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị thuê nhà ở tại thôn Chợ Rịa, xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Đến năm 2019 thì chuyển về sinh sống tại thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Ninh Bình. Từ khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là do anh H thường xuyên nợ nần, rượu chè đàn đúm. Chị Ng nhiều lần trả nợ giúp anh H và khuyên nhủ nhưng anh H không thay đổi. Từ tháng 5/2020 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh H ở trong đơn vị không về nhà, từ đó vợ chồng chị sống ly thân, không ai quan tâm tới ai nữa. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn H. Quá trình hòa giải tại tòa án, chị Ng và anh H đã thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Tạ Văn H có 02 con chung là cháu Tạ Phương A, sinh ngày 23/02/2012 và cháu Tạ Quốc Đ, sinh ngày 18/08/2014. Hiện hai con chung đang ở với chị Ng. Tại phiên tòa chị Ng đề nghị để anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung.

Chị Nguyễn Thị Ng yêu cầu chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng chị gồm: Quyền sử dụng 75 m² đất ở tại thửa số 613, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 375 tờ bản đồ số 40) Bản đồ địa chính xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Tạ Văn H và nợ bà Nguyễn Thị L là 200.000.000đồng tiền mặt và 4,8 cây vàng 9999 quy ra tiền 55.000.000đồng/1 cây vàng thành tiền là 264.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh Tạ Văn H có phản tố đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng gồm: Quyền sử dụng 100 m² đất tại thửa số 1448, tờ bản đồ số 05 (Nay là thửa 231 tờ bản đồ số 40) Bản đồ địa chính xã Phú Lộc. Địa chỉ thửa đất: xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Tạ Văn H và chị Nguyễn Thị Ng. Tài sản trên đất có 01 nhà mái bằng 3 tầng khép kín cùng công trình phụ, 02 nhà bán mái và hiên nhà bán mái xây dựng trên phần đất lưu không và nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình số tiền gốc là 375.000.000 đồng và số tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, chị Nguyễn Thị Ng đề nghị phân chia tài sản, công nợ chung của vợ chồng chị như sau:

Chị Nguyễn Thị Ng được sở hữu, sử dụng tài sản: Quyền sử dụng 100 m² đất tại thửa số 1448, tờ bản đồ số 05 (Nay là thửa 231 tờ bản đồ số 40) Bản đồ địa chính xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình và sở hữu tài sản trên đất gồm 01 nhà mái bằng 3 tầng khép kín cùng công trình phụ; 02 nhà bán mái và hiên nhà bán mái xây dựng trên phần đất lưu không. Chị Ng có nghĩa vụ thanh toán công nợ bao gồm: Tiền vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình số tiền gốc là 375.000.000 đồng và số tiền lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng và trả nợ cho bà Nguyễn Thị L là 200.000.000 đồng tiền mặt và 4,8 cây vàng 9999 (trị giá 55.000.000đồng/1 cây). Anh Tạ Văn H được quyền sử dụng 75 m² đất ở tại thửa số 613, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 375 tờ bản đồ số 40) Bản đồ địa chính xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Việc thanh toán tiền tiền chênh lệch về tài sản: Chị Nguyễn Thị Ng đề nghị chị thanh toán cho anh Tạ Văn H 800.000.000đồng tiền chênh lệch về tài sản.

Trong các bản tự khai, đơn phản tố, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Tạ Văn H trình bày:

Anh Tạ Văn H thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị Ng và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, con chung đúng như chị Ng đã trình bày. Đối với yêu cầu ly hôn: Anh Tạ Văn H cũng xác định tình cảm vợ chồng anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H cũng nhất trí ly hôn với chị Ng và đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn. Về việc giải quyết việc nuôi con chung: Anh Tạ Văn H đề nghị để chị Nguyễn Thị Ng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tạ Quốc Đ; anh Tạ Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tạ Phương A đến khi các cháu thành niên và tự lập được cuộc sống; chị Ng và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về phân chia tài sản, công nợ: Các tài sản, công nợ chị Nguyễn Thị Ng đề nghị chia và anh phản tố đề nghị chia đúng như chị Ng đã trình bày. Anh Tạ Văn H nhất trí với ý kiến chị Ng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Để chị Nguyễn Thị Ng được sở hữu, sử dụng tài sản gồm: Quyền sử dụng 100 m² đất tại thửa số 1448, tờ bản đồ số 05 (Nay là thửa 231 tờ bản đồ số 40) Bản đồ địa chính xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình và quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm 01 nhà mái bằng 3 tầng khép kín cùng công trình phụ; 02 nhà bán mái và hiên nhà bán mái xây dựng trên phần đất lưu không. Chị Ng có nghĩa vụ thanh toán công nợ bao gồm: Tiền vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình số tiền gốc là 375.000.000 đồng và số tiền lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng và trả nợ cho bà Nguyễn Thị L là 200.000.000 đồng tiền mặt và 4,8 cây vàng 9999. Anh Tạ Văn H được quyền sử dụng 75 m² đất ở tại thửa số 613, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 375 tờ bản đồ số 40) Bản đồ địa chính xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Đối với việc thanh toán tiền chênh lệch về tài sản chung: Anh Tạ Văn H anh không nhất trí ý kiến chị Nguyễn Thị Ng, anh H đề nghị chị Ng phải thanh toán cho anh trị giá tài sản chung theo giá của Hội đồng định giá đã định sau khi trừ đi công nợ và trị giá quyền sử dụng đất mà anh được chia, nếu chị Ng thanh toán ngay tiền chênh lệch về tài sản thì anh chỉ yêu cầu chị Ng thanh toán cho anh 1.200.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày.

Theo hợp đồng tín dụng số 3311-LAV-202000242 ngày 11/3/2020, ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng anh Tạ Văn H, chị Nguyễn Thị Ng; tài sản thế chấp khi vay vốn là quyền sử dụng đất 100m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (Địa chỉ thửa đất tại thôn Phúc Lộc, xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình); tính đến ngày xét xử 22/7/2021 chị Ng, anh H còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình số tiền gốc 375.000.000 và số tiền lãi phát sinh là 2.260.274đồng. Trường hợp chị Ng, anh H ly hôn, nếu Tòa án giao tài sản hiện đang thế chấp tại Ngân hàng cho ai thì Ngân hàng nhất trí để người đó phải có trách nhiệm thanh toán công nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Nguyễn Thị L trình bày.

Bà Nguyễn Thị L có cho vợ chồng anh Tạ Văn H và chị Nguyễn Thị Ng vay số tiền là 200.000.000đồng và 4,8 cây vàng 9999. Nay anh H, chị Ng ly hôn bà L đề nghị chị Ng, H phải trả cho bà số tiền và vàng đã vay, đối với vàng bà yêu cầu thanh toán quy đổi ra tiền mặt theo giá thị trường là 55.000.000đồng/cây vàng. Bà L nhất trí với ý kiến của chị Ng và anh H là để một mình chị Ng trả khoản nợ trên.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng đầy đủ các bước tố tụng và hành vi tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 55; các điều 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ng và anh Tạ Văn H.

2. Việc nuôi con chung: Giao cháu Tạ Quốc Đ, sinh ngày 18/08/2014 cho chị Nguyễn Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Tạ Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Phương A, sinh ngày 23/02/2012 cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được cuộc sống.

Chị Nguyễn Thị Ng, anh Tạ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Ng, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về phân chia tài sản và công nợ:

Chia cho chị Nguyễn Thị Ng được sở hữu, sử dụng tài sản gồm: Quyền sử dụng 100 m² đất tại thửa số 1.448, tờ bản đồ số 05 (Nay là thửa 231 tờ bản đồ số 40) Bản đồ địa chính xã Phú Lộc; quyền sở hữu nhà trên đất (gồm 01 nhà mái bằng 3 tầng khép kín cùng công trình phụ, 02 nhà bán mái và hiên nhà bán mái xây dựng trên phần đất lưu không. Chị Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ: Trả nợ tiền vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình số tiền gốc là 375.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh còn nợ tính đến ngày xét xử (22/07/2021) là 2.260.274 đồng. Kể từ ngày 22/07/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng chị Nguyễn Thị Ng còn phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Rịa) khoản tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và trả cho bà Nguyễn Thị L tiền vay là 200.000.000 đồng và 4,8 cây vàng 9999 (Quy ra tiền mặt là 55.000.000 đồng/1 cây vàng thành tiền 264.000.000 đồng). Chia cho anh Tạ Văn H được quyền sử dụng 75 m² đất ở tại thửa số 613, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 375 tờ bản đồ số 40) Bản đồ địa chính xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Về thanh toán tiền chênh lệch về tài sản: Buộc chị Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho anh Tạ Văn H tiền chênh lệch về tài sản là 1.524.258.500 đồng (Một tỷ, năm trăm hai tư triệu, hai trăm năm tám nghìn, năm trăm đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, công nợ chung chị Nguyễn Thị Ng, anh Tạ Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng khởi kiện đề nghị giải quyết việc ly hôn, tranh chấp việc nuôi con, chia tài sản, công nợ chung với bị đơn anh Tạ Văn H- địa chỉ tại B30, Lữ đoàn X, quân đoàn I thuộc thôn X, xã L, huyện Q, tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình thụ lý

giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn:

Về yêu cầu ly hôn:

Chị Nguyễn Thị Ng và anh Tạ Văn H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Ng, anh H thừa nhận vợ chồng anh chị sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ và chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa coi đây là sự thật. Chị Nguyễn Thị Ng khởi kiện ly hôn với anh Tạ Văn H; anh chị tự nguyện ly hôn và anh chị cùng đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ng và anh Tạ Văn H.

Về yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ng, anh Tạ Văn H có 02 con chung là cháu Tạ Phương A, sinh ngày 23/02/2012 và cháu Tạ Quốc Đ, sinh ngày 18/08/2014. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ; chị Ng và anh H đều đủ điều kiện nuôi con chung, nên giao cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tạ Quốc Đ; anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tạ Phương A cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được cuộc sống. Anh H, chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Tạ Văn H, chị Nguyễn Thị Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tạ Phương A và có căn cứ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về giải quyết chia tài sản chung và công nợ chung.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 59, Điều 60, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình và ý chí của các đương sự:

Chia chị Nguyễn Thị Ng được sở hữu, sử dụng tài sản gồm: Quyền sử dụng 100 m² đất tại thửa số 1.448, tờ bản đồ số 05 (Nay là thửa 231 tờ bản đồ số 40) Bản đồ địa chính xã Phú Lộc; quyền sở hữu nhà trên đất (gồm 01 nhà mái bằng 3 tầng khép kín cùng công trình phụ, 02 nhà bán mái và hiên nhà bán mái xây dựng trên phần đất lưu không. Chị Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ: Trả nợ tiền vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình số tiền gốc là 375.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh còn nợ tính đến ngày xét xử (22/07/2021) là 2.260.274 đồng. Kể từ ngày 22/07/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng chị Nguyễn Thị Ng còn phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình) khoản tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và trả cho bà Nguyễn Thị L

tiền vay là 200.000.000 đồng và 4,8 cây vàng 9999 (Quy ra tiền mặt là 55.000.000đồng/1cây vàng thành tiền 264.000.000đồng). Chia anh Tạ Văn H được quyền sử dụng 75 m² đất ở tại thửa số 613, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 375 tờ bản đồ số 40) Bản đồ địa chính xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (Trị giá là 650.000.000đồng).

Đối với việc thanh toán tiền chênh lệch về tài sản: Anh Tạ Văn H yêu cầu chị Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho anh trị giá tài sản chung theo giá của Hội đồng định giá đã định sau khi trừ đi công nợ và trị giá quyền sử dụng đất mà anh được chia là có căn cứ theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó tổng giá trị tài sản chung của anh H chị Ng theo Hội đồng định giá là: 5.189.777.370đồng. Sau khi trừ đi tổng công nợ chung của vợ chồng anh chị 841.260.274đồng, trị giá tài sản chung của vợ chồng anh chị còn lại là 4.348.517.096đồng. Anh H chị Ng mỗi người được chia trị giá tài sản chung là 2.174.258.548đồng, anh H đã được chia quyền sử dụng diện tích đất trị giá 650.000.000đồng anh còn được chị Ng thanh toán tiền chênh lệch về tài sản là 1.524.258.548đồng làm tròn là 1.524.258.500đồng (Một tỷ, năm trăm hai tư triệu, hai trăm năm tám nghìn, năm trăm đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ng phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng. Án phí phân chia tài sản chung chị Ng và anh H mỗi người được chia giá trị tài sản là 2.174.258.548đồng nên mỗi người phải chịu án phí chia tài sản chung là 75.485.171đồng làm tròn là 75.485.100đồng. Án phí công nợ chung chị Ng và anh H mỗi người phải chịu án phí là 20.825.205đồng làm tròn là 20.825.200đồng.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị Ng tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; Điều 266; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố Tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 55; các điều 58, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ng và anh Tạ Văn H.

2. Giao chị Nguyễn Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Quốc Đ, sinh ngày 18/08/2014; anh Tạ Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Phương A, sinh ngày 23/02/2012 cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được cuộc sống.

Chị Nguyễn Thị Ng, anh Tạ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Ng, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về phân chia tài sản, công nợ chung:

3.1. Chia chị Nguyễn Thị Ng được sở hữu, sử dụng tài sản gồm: Quyền sử dụng 100 m² đất (đất ở) tại thửa số 1448, tờ bản đồ số 05 (Nay là thửa 231 tờ bản đồ số 40) Bản đồ địa chính xã Phú Lộc huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 431705 ngày 10/02/2015), quyền sở hữu tài sản trên đất gồm 01 nhà mái bằng 3 tầng khép kín cùng công trình phụ và sở hữu tài sản trên đất lưu không khác gồm 01 nhà bán mái 55m² (Phía trước nhà), 01 nhà bán mái 11m² (phía sau nhà) và hiên nhà bán mái (Phía trước nhà) 17m²).

3.2. Chị Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ: Trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình tính đến ngày xét xử 22/07/2021 gồm số tiền vay gốc còn nợ là 375.000.000đồng và số tiền lãi là 2.260.274đồng. Kể từ ngày 22/07/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng, chị Nguyễn Thị Ng còn phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình) khoản tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết; trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay là 200.000.000đồng và 4,8 cây vàng 9999 (Quy ra tiền mặt là 55.000.000đồng/1cây vàng thành tiền 264.000.000đồng).

3.3. Chia anh Tạ Văn H được quyền sử dụng tài sản: Quyền sử dụng diện tích đất 75 m² (đất ở) tại thửa số 613, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 375 tờ bản đồ số 40) Bản đồ địa chính xã Phú Lộc huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 603069 ngày 13/10/2006).

3.4. Về thanh toán tiền chênh lệch về tài sản: Buộc chị Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho anh Tạ Văn H tiền chênh lệch về tài sản là 1.524.258.500đồng (Một tỷ, năm trăm hai tư triệu, hai trăm năm tám nghìn, năm trăm đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị Ng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000676 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng chịu án phí chia tài sản chung 75.485.100đồng, án phí công nợ chung 20.825.205đồng. Tổng án phí chia tài sản chung, công nợ chung chị Ng phải chịu là: 96.310.300đồng (Chín sáu triệu, ba trăm mười nghìn, ba trăm đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí công nợ chung và chia tài sản chung chị Ng đã nộp 20.800.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000201 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Nho Quan. Chị Nguyễn Thị Ng còn phải nộp 75.510.300đồng (Bảy
lăm triệu, năm trăm mười nghìn, ba trăm đồng).

Anh Tạ Văn H chịu án phí chia tài sản chung 75.485.100đồng, án phí công
nợ chung 20.825.205đồng. Tổng án phí chia tài sản chung, công nợ chung anh Hà
phải chịu là: 96.310.300đồng (Chín sáu triệu, ba trăm mười nghìn, ba trăm đồng).
Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí công nợ chung và chia tài sản chung anh H đã
nộp 31.425.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000744
ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan. Anh Tạ Văn H
còn phải nộp 64.885.300đồng (Sáu tư triệu, tám trăm tám lăm nghìn, ba trăm
đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ
liên quan (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày
tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo
trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo
quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật
thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân
sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành
án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật
thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành
án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Nho Quan;
- THADS huyện Nho Quan;
- UBND xã Phú Lộc;
- Dương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

NGUYỄN ANH TUẤN

